Name: …………….

Date: ….../…../20....

Class: S5….

Từ vựng : ………….

Đọc: ………………

Nghe: ……………..

Mini Test: ………..

StⱭrLink

GLOBAL ENGLISH 5
UNIT 7: ANCIENT ROME AND EGYPT - VOCABULARY 1

❖ **Lưu ý 1:** Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đề có chú thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé.

❖ **Lưu ý 2:** Con không sử dụng dạng viết tắt của các trợ động từ ở thể phủ định.

❖ **Lưu ý 3:** Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.

❖ **Lưu ý 4:** Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

A. VOCABULARY

No.	Words	Meaning	No.	Words	Meaning
1	**canopic jar** (n)	bình đựng nội tạng	15	**chariot** (n)	xe ngựa
2	**gladiator** (n)	đấu sĩ	16	**soldier** (n)	người lính
3	**mummy** (n)	xác ướp	17	**merchant** (n)	thương gia
4	**Roman bath** (n)	bồn tắm La Mã	18	**engineer** (n)	kỹ sư
5	**hieroglyphic** (n)	chữ tượng hình	19	**villa** (n)	biệt thự
6	**Roman numerals** (n)	số La Mã	20	**invent** (v)	phát minh
7	**Egypt** (n)	Ai Cập	21	**invention** (n)	sự phát minh
8	**Egyptian** (n)	người Ai Cập	22	**inventor** (n)	người phát minh
9	**Africa** (n)	Châu Phi	23	**develop** (v)	phát triển
10	**tomb** (n)	lăng mộ	24	**development** (n)	sự phát triển
11	**amphitheater** (n)	đấu trường	25	**developer** (n)	người phát triển
12	**toga** (n)	áo choàng truyền thống của người la mã cổ đại	26	**create** (v)	sáng tạo
13	**tunic** (n)	áo dài, áo tàu	27	**creation** (n)	sự sáng tạo
14	**sandal** (n)	giày xăng-đan	28	**creator** (n)	người sáng tạo

Vocabulary from KET

No.	Words	Meaning	No.	Words	Meaning
1	**theme park** (n)	công viên giải trí	4	**rollercoaster** (n)	tàu lượn siêu tốc
2	**ski slope** (n)	dốc trượt tuyết	5	**mall** (n)	khu mua sắm
3	**see the ad** (v)	xem quảng cáo			

❖ **Note :** v = Verb: Động từ, n = Noun: danh từ.

❖ **Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép vào vở mỗi từ 2 dòng vào vở ghi.**

LIVEWORKSHEETS

B. HOMEWORK

I. Choose the correct answer.

0. A cheerful clown starts _____ colorful balls.

   (A.) *juggling*   **B.** *yawning*   **C.** *sneezing*   **D.** *repairing*

1. The *archaeologist (nhà khảo cổ học)* carefully extracted the _____ from the ancient tomb.

   A. Africa   **B.** canopic jar   **C.** hieroglyphic   **D.** Roman bath

2. The _____ prepared to enter the *arena (đấu trường)* for the *fierce (khốc liệt)* battle.

   A. tomb   **B.** Egypt   **C.** gladiator   **D.** toga

3. Who is the most famous Egyptian _____?

   A. mummy   **B.** canopic jar   **C.** Roman numeral   **D.** tunic

4. The ancient Romans commonly wore _____ as everyday footwear.

   A. chariot   **B.** soldier   **C.** invent   **D.** sandals

5. The merchant wore a simple _____ when he *conducted (tiến hành)* business in the marketplace.

   A. Egyptian   **B.** tunic   **C.** invention   **D.** develop

II. Fill in the blanks with the appropriate words from the box. There are two words you will not need!

amphitheatre	tomb	hieroglyphic	Africa
Roman numerals	~~juggling~~	toga	chariot

0. A cheerful clown starts <u>juggling</u> colorful balls.

1. In ancient Rome, the _____ was a symbol of status and *citizenship (quyền công dân)*.

2. A/An _____ is a full circle shape, while a theatre is only half a circle.

3. The archaeologists discovered a hidden _____ which was filled with ancient *artifacts (tác phẩm nghệ thuật)*.

4. The Sahara Desert is one of the *notable (đáng chú ý)* geographical features of _____.

5. _____ is an ancient number system that is still used in many places.

III. Underline the suitable words.

*0. The government plans to (**<u>create</u>** / **creation** / **creator**) more jobs for young people.*

1. Louis Braille (**invented** / **invention** / **inventor**) an alphabet to help blind people.

2. Fax machines were a wonderful (**invent** / **invention** / **inventor**) at the time.

3. Alexander Graham Bell is widely recognized as the (**invent** / **invention** / **inventor**) of the telephone.

4. Scientists are working to **(develop / development / developer)** new technologies for renewable energy sources.

5. The rapid **(develop / development / developer)** of computer technology has transformed the way we live and work.

6. The **(develop / development / developer)** was responsible for creating the innovative new software application.

IV. Make the sentences with your own ideas.

0. *juggling* ➜ *A cheerful clown starts juggling colorful balls*.

1. engineer ➜ _____.

2. creation ➜ _____.

3. gladiator ➜ _____.

4. villa ➜ _____.

5. create ➜ _____.

Part 5

Questions 25–30

For each question, write the correct answer.
Write **one** word for each gap.

Example: | 0 | *a* |

EMAIL
From: Sofia
To: Lucia

I've had **(0)** .... great week! I've been on holiday in the United Arab Emirates. We went to an amazing place today. Have you **(25)** .... heard of the Mall of the Emirates in Dubai? You don't get bored here **(26)** .... there's so much to see and do. There are over 700 shops **(27)** .... more than 100 places to eat. There's also a theme park in the building. It's got a 4D cinema and a rollercoaster. I've **(28)** .... on it twice – it's really fast! But **(29)** .... best thing in the mall is the **ski slope**! I'm going there tomorrow. I'll send you **(30)** .... photos later.

Part 1

🎧
36

Questions 1–5

For each question, choose the correct answer.

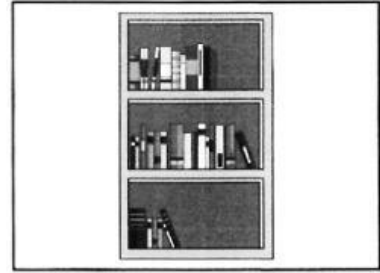**1** Where were the sunglasses the last time Mark saw them?
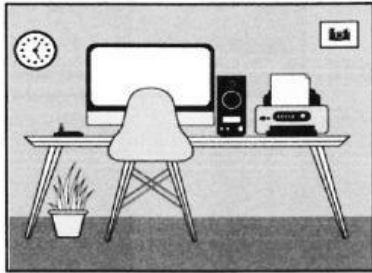
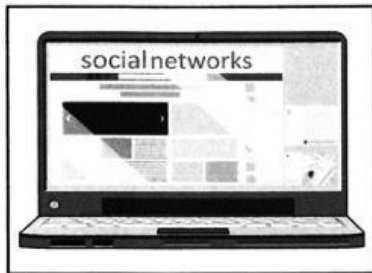A   B   C
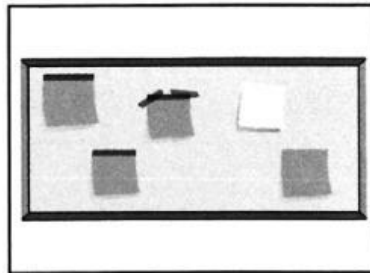
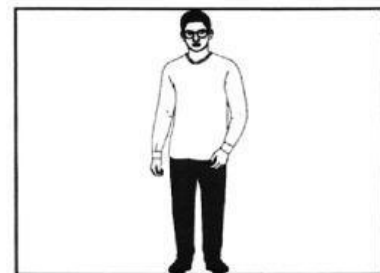**2** Where did the man see the ad for the concert?

A   B   C
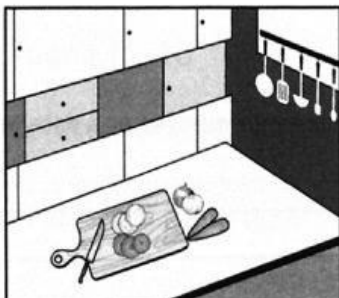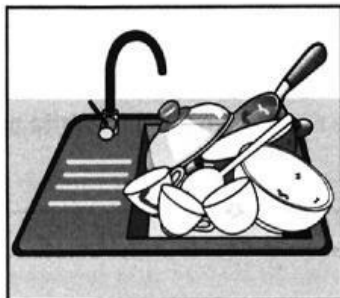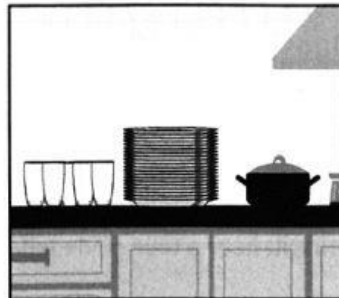
3 Who is Simon?

A   B   C

5

LIVEWORKSHEETS

4   What job does the woman want help with?

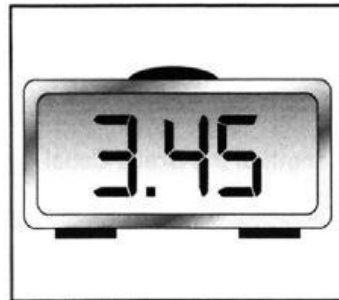**A**   **B**   **C**

5   When might the next bus arrive?

A   **B**   **C**

I. Fill in the blanks with the appropriate words from the box. There are two words you will not need!

~~nervous system~~	sneeze	cerebrum	reflex
nerves	brain stem	breathe	movement

0. The **nervous system** is responsible for all the activities of your body.
1. The _____ is the largest part of your brain.
2. Cats make him _____ - I think he's allergic to them.
3. The _____ is the lower part of the brain that is connected to the spinal cord.
4. The _____ form a network throughout the body.
5. The yoga instructor told us to _____ in deeply.

II. Decide if each question or statement is correct or wrong. Correct the underlined word in each sentence if it is wrong.

0. He <u>were doing</u> his homework when I <u>called</u> him.
A. Correct
(B.) Wrong (**were doing** → **was doing**)

1. That film <u>wasn't</u> very good, <u>weren't it</u>?
A. Correct
B. Wrong (_____ → _____)

2. Stewart <u>wasn't</u> careful. He <u>hit</u> a tree and he <u>was falling off</u> his bike.
A. Correct
B. Wrong (_____ → _____)

3. Pete and I <u>can</u> go to the cinema, <u>cannot we</u>?
A. Correct
B. Wrong (_____ → _____)

4. I <u>was washing</u> the dishes and Tom <u>was sweeping</u> the floor.
A. Correct
B. Wrong (_____ → _____)

5. She <u>is</u> very tall, <u>isn't</u> she?
A. Correct
B. Wrong (_____ → _____)